TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vũ Mạnh Cường**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Sóng Thành**.

Ông **Nguyễn Thành Lam**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hà Văn Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 363/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Chị **Nguyễn Thị Kính Ph**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 119, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

***- Bị đơn*:** Anh **Lê Thiện B**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 132/K2, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Ph, anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2023, bản tự khai đề ngày 08/6/2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kính Ph trình bày:

Chị Ph và anh B quen biết, tìm hiểu nhau được thời gian thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Thống Nhất vào ngày 24/02/2003. Đây là hôn nhân lần đầu của chị Ph.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà chồng ở số 132/K2, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, vợ chồng chung sống được một thời gian dài thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến chửi bới xúc phạm danh dự của nhau, ngoài ra anh B còn ham chơi dẫn đến nợ nần, không lo lắng làm ăn để phụ giúp vợ con, mọi chi tiêu và công việc trong nhà đều do chị Ph một mình gánh vác. Chị Ph đã góp ý với anh B nhiều lần nhưng anh B vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn giữa chị Ph và anh B đã được gia đình hai bên hòa giải những vẫn không thể giải quyết được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ tháng 12/2022 đến nay chị Ph và anh B không còn chung sống với nhau, chị Ph đã chuyển về nhà cha mẹ ruột ở số 119, ấp H, xã H1 để sinh sống và làm việc. Từ đó đến nay giữa chị Ph và anh B đã không còn liên lạc, không quan tâm lo lắng cho nhau, mạnh ai nấy sống, giữa anh chị không có biện pháp gì đề hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ph yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thiện B.

- *Về con chung*: Theo chị Ph vợ chồng chung sống có 03 con chung là cháu Lê Thiện N, sinh ngày 24/8/2005; cháu Lê Thiện H, sinh ngày 02/02/2010 và cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 27/11/2012. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh B tại số 132/K2, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu V, chị đồng ý giao cháu N và cháu H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Ph trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Ph không còn yêu cầu gì khác, ngày 12/6/2023 chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Theo bản tự khai ngày 09/6/2023, các lời khai tiếp theo bị đơn anh Lê Thiện B trình bày:

Anh Lê Thiện B thừa nhận về quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Nguyễn Thị Kính Ph như chị Ph trình bày là đúng và đây là lần đăng ký kết hôn đầu tiên của anh B.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống ở nhà mẹ của anh B tại ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều cãi vã, tuy nhiên không đến mức nghiêm trọng, những lúc nóng giận hai bên có chửi bới qua lại xúc phạm nhau, anh B và chị Ph còn mâu thuẫn trong việc quản lý kinh tế gia đình, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và lối sống. Ngoài ra anh B nghi ngờ chị Ph không chung thủy với anh tuy nhiên anh B không có bằng chứng để chứng minh.

Khoảng tháng 12 năm 2022 anh B và chị Ph đã xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, chị Ph bỏ về nhà bố mẹ ruột để ở tại số 119, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai còn anh B hiện nay vẫn đang sinh sống với nhà anh trai tại số 132/K2, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau và không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Anh B đã nhiều lần tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Ph tuy nhiên chị Ph không đồng ý. Nay chị Ph nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B thì anh B không đồng ý, vì anh còn thương các con và anh là người theo đạo công giáo.

- *Về con chung:* Anh B thừa nhận, vợ chồng có 03 con chung như chị Ph trình bày là đúng. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh B tại số 132/K2, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nếu trường hợp chị Ph vẫn kiên quyết ly hôn thì anh B đồng ý giao cháu V cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu H. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh B không còn yêu cầu gì khác. Ngày 09/6/2023 anh Lê Thiện B có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ph, xử cho chị Ph và anh B ly hôn. Giao cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 27/11/2012 cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Lê Thiện N, sinh ngày 24/8/2005 và cháu Lê Thiện H, sinh ngày 02/02/2010 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2023 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kính Ph và bị đơn anh Lê Thiện B. Ngày 12/6/2023 chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 09/6/2023 anh Lê Thiện B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Kính Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thiện B và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lê Thiện B hiện đang cư trú tại số 132/K2, ấp H, xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Nguyễn Thị Kính Ph là nguyên đơn, anh Lê Thiện B là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 131, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Chị Nguyễn Thị Kính Ph và anh Lê Thiện B khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/02/2003 (BL 10) theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, anh B và chị Ph cùng thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 22, 23) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ở biên bản xác minh tại chính quyền địa phương (BL 33).

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị Ph tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Ph yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[6.2] Xét ý kiến, yêu cầu của anh B: Theo anh B mâu thuẫn giữa anh với chị Ph chưa đến mức phải ly hôn, anh B vẫn dành tình cảm cho các con nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh B đã tìm nhiều phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, ngày 09/6/2023 anh B có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải thể hiện anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng (BL 29). Xét ý kiến của anh B là trái với nhận định trên và không phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên không được chấp nhận.

[7] Về con chung: Anh B và chị Ph có 03 con chung là cháu Lê Thiện N, sinh ngày 24/8/2005; cháu Lê Thiện H, sinh ngày 02/02/2010 và cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 27/11/2012. Xét yêu cầu của chị Ph được nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Tường V, anh B yêu cầu được nuôi cháu Lê Thiện H và cháu Lê Thiện N là có căn cứ, bởi lẽ, yêu cầu nuôi dưỡng con chung đã được chị Ph và anh B tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với nguyện vọng của các con chung (BL 22, 23, 25, 26) trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần ghi nhận ý kiến của chị Ph và anh B.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị Ph và anh B thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho hai bên.

[9] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Chị Ph, anh B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí.

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kính Ph về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với anh Lê Thiện B. Xử cho chị Nguyễn Thị Kính Ph và anh Lê Thiện B ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 27/11/2012 cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Lê Thiện N, sinh ngày 24/8/2005 và cháu Lê Thiện H, sinh ngày 02/02/2010 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.2.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[2.2.2] Sau khi ly hôn chị Ph và anh B vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kính Ph phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0009423 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Ph đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CCTHADS H. Thống Nhất;
- UBND xã H1, H. Thống Nhất (Giấy CNKH số 04/2003);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường